TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 588 /2020/DS-ST
Ngày: 21 /10 /2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị D.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị M ;

2. Ông Nguyễn Văn T .

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn T1.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị H -Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 665/2019/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2020;Quyết định hõan phiên tòa số: 823/QĐHPT-DS ngày 22/9/2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị G, sinh năm: 1972.
Địa chỉ: Tổ 2,thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai .

Người Đ diện ủy quyền cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng Đ,sinh năm: 1971. (Văn bản ủy quyền ngày 07/4/2020).-Có mặt.

Bị đơn: - Ông Nguyễn Văn X, sinh năm: 1979 –vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị Y,sinh năm:1978-vắng mặt.

Cùng địa chỉ: 206/10TTH21,tổ 13,Khu phố 3, phường Tân Thời Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn C,sinh năm: 1974

Cư trú: Tổ 2, thị trấn Chư Ty,huyện Đức Cơ,Tỉnh Gia Lai.

Người Đ diện ủy quyền cho Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan- ông Trần Văn C: Ông Nguyễn Trọng Đ,sinh năm: 1971.(Văn bản ủy quyền ngày 28/7/2020).-Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/3/2019 và trong các bản tự khai,biên bản hòa giải tại Tòa án,nguyên đơn – có Đ diện ủy quyền là ông Ngyễn Trọng Đ trình bày:

Ngày 30/8/2013,ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Y có ký giấy mượn tiền là :1.490.000.000 đồng; ngày 29/02/2016 thì ông Tinh và bà Y ký cam kết trả nợ nhưng đến hiện nay thì ông X và bà Y chưa thanh tóan đồng nào cho bà Lê Thị G. Bà Lê Thị G yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Y phải trả lại cho bà G số tiền mà ông X và bà Y đã vay là :1.490.000.000 (Một tỷ bốn trăm chín mươi triệu)đồng và tiền lãi theo giấy mượn và cam kết trả nợ ngày 30/8/2013;Giấy cam kết trả nợ ngày 29/02/2016.

Ngày 07/5/2020,ông Nguyễn Trọng Đ nộp đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Y phải trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật số tiền nợ gốc là: 1.490.000.000 (Một tỷ bốn trăm chín mươi triệu) đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan-ông Trần Văn C- có Đ diện ủy quyền là ông Nguyễn Trọng Đ trình bày:

Ông Trần Văn C T1 nhất và đồng ý với lời trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết của bà Lê Thị G và không bổ sung ý kiến gì thêm.

Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải tại Tòa án,bị đơn-ông nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Y xin hõan buổi hòa giải để về nhờ Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông X và bà Y,nhưng đến ngày hòa giải mà Tòa án đã tống đạt hợp lệ thì bị đơn – Ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Y vắng mặt không có lý do.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục niêm yết công khai thông báo về việc thụ lý vụ án đối với bị đơn ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Y.Tuy nhiên,Tòa án chỉ nhận được bản tự khai yêu cầu hõan buổi hòa giải để về nhờ Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông X và bà Y và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Lê Thị G.

Tòa án tiếp tục triệu tập các đương sự để tham gia về phiên hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Y liên tục vắng mặt.Do đó,vụ án không tiến hành hòa giải được nên vụ án đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 22/9/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Y vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại các điều 227 và 233 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 21/10/2020,bị đơn ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Y vắng mặt không có lý do.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án nhân dân Quận 12 thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ các thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuy thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc xét xử vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 21/10/2020,Nguyên đơn-Đ diện ủy quyền là ông Nguyễn Trọng Đ và là Người Đ diện ủy quyền cho Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn C có mặt,Bị đơn ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Y vắng mặt tại phiên tòa xét xử mà không có lý do(lần 2) nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Đ diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

1/Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa bà Lê Thị G với ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Y là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Ông Nguyễn Văn X và bà NguyễnThị Y đang cư trú, sinh sống tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào các điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của đương sự; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do đươngsự cung cấp và Tòa án thu thập được, có đủ cơ sở xác định:

Ngày 13/03/2019, Tòa án nhân dân Quận 12 nhận đơn khởi kiện của bà Lê Thị G yêu cầu giải quyết như sau:

Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Y phải trả lại cho bà Lê Thị G số tiền mà ông X và bà Y đã vay là :1.490.000.000 (Một tỷ bốn trăm chín mươi triệu)đồng và tiền lãi theo giấy mượn và cam kết trả nợ ngày 30/8/2013;Giấy cam kết trả nợ ngày 29/02/2016.

Ngày 07/5/2020,ông Nguyễn Trọng Đ nộp đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Y phải trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật số tiền nợ gốc là: 1.490.000.000 (Một tỷ bốn trăm chín mươi triệu) đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại các Điều 388;389 và 401 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì: Hợp đồng dân sự là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự. Hợp đồng dân sự có thể được giao kết bằng lời nói,bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể khi pháp luật không quy định loại hợp đồng đó phải được giao kết bằng một hình thức nhất định.

Tại giấy mượn tiền ngày 30/8/2013,Ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Y có vay số tiền là:1.490.000.000 (Một tỷ bốn trăm chín mươi triệu) đồng của Ông Trần Văn C và bà Lê Thị G,đây là hợp đồng dân sự được giao kết giữa bà Lê Thị G và ông Trần Văn C với ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Y.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã cho bị đơn vay số tiền là : 1.490.000.000 (Một tỷ bốn trăm chín mươi triệu) đồng. Ngày 29/02/2016 thì ông Nguyễn Văn Tinh và bà Nguyễn Thị Y ký cam kết trả nợ nhưng bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền trên đã vay của nguyên đơn ,đồng thời nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo giấy mượn và cam kết trả nợ ngày 30/8/2013;Giấy cam kết trả nợ ngày 29/02/2016 của bị đơn,nên Hội đồng xét xử không xét yêu cầu trả tiền lãi đối với số tiền :1.490.000.000 (Một tỷ bốn trăm chín mươi triệu) đồng.

Tại phiên tòa ngày 21/10/2020,bị đơn-ông Nguyễn Văn X và bà NguyễnThị Y vắng mặt không có lý do nên Tòa án không có lời trình bày của bị đơn cũng như trong quá trình hòa giải của Tòa án bị đơn không cung cấp được bất kỳ giấy tờ tài liệu gì để chứng minh cho số tiền nợ vay mà nguyên đơn là bà Lê Thị G khởi kiện.Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227;khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015,Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các Bị đơn.

Xét thấy,các yêu cầu trên của Nguyên đơn - bà Lê Thị G đối với Bị đơn – ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Y là có căn cứ và hợp pháp nên được chấp nhận.

Căn cứ vào các Điều 302;305 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147; 227; 228 và 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 302;305;388;389;401;404;405;409;471 và 478 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Lê Thị G.

Buộc bị đơn – ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Y thanh tóan cho nguyên đơn – bà Lê Thị G số tiền nợ là: 1.490.000.000 (Một tỷ bốn trăm chín mươi triệu) đồng và thanh toán 01 lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán tại cơ quan thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án)hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị Y phải chịu nộp là: 56.700.000 (Năm mươi sáu triệu bảy trăm ngàn)đồng.

Hoàn trả cho bà Lê Thị G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 31.275.000 (Ba mươi một triệu hai trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2018/0008935 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

4. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận: **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND Quận 12, Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 12,Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị D